TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **408**/2018/QĐST-KDTM	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Người khởi kiện là Ngân hàng TMCP BV (trước đây là Ngân hàng TMCP GĐ) chưa cung cấp được bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc văn bản của người vay xác nhận số tiền vay còn nợ để xác định trách nhiệm bồi thường của Tổng công ty cổ phần BM theo Hợp đồng liên kết kinh doanh giữa các bên, do đó, chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 192, Điểm g Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 154/1999/TLST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 1999 về việc "Tranh chấp hợp đồng liên kết kinh doanh" giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BV (trước đây là Ngân hàng TMCP GĐ)
Địa chỉ: 412 NTMK, Phường Đ, Quận C, TPHCM

Bị đơn: Tổng công ty cổ phần BM (trước đây là Công ty BH Thành phố Hồ Chí Minh)
Địa chỉ: 26 TTĐ, phường Nguyễn Thái B, Quận A, TP.HCM

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim H
Địa chỉ: 100/25 Đinh Tiên Hoàng, Phường A, quận Y

1.2. Bà Lý Ngọc L
Địa chỉ: 15/3 XVNT, Phường 27, quận Y

1.3. Bà Nguyễn Thị Tuyết M
Địa chỉ: 18/5D TBH, Phường 11, quận Y, TP. HCM

1.4. Bà Đỗ Thị Kim T
Địa chỉ: 229/57 LQĐ, Phường 7, quận Y, TP. HCM

1.5. Bà Đỗ Thị Thu L
Địa chỉ: 47/3 PVT, Phường 14, quận Y, TP.HCM

1.6. Ông Dương Bảo T
Địa chỉ: 63E Lầu 1 NTP, Phường 6, Quận Đ, TPHCM

1.7. Bà Phạm Vũ Khánh L
Địa chỉ: 100/8 ĐTH, Phường 1, quận Y, TP.HCM

1.8. Ông Kiều Đức H
Địa chỉ: 118/14 đường số 1, Phường 18, quận S, TP.HCM

1.9. Bà Vương Thị T
Địa chỉ: 7B tổ 36 LLQ, Phường 18, quận S, TP.HCM

1.10. Ông Bùi Văn D
Địa chỉ: 47 CAC, Phường 5, Quận Đ, TPHCM

1.11. Bà Nguyễn Thị T
Địa chỉ: 212/P3 NT, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận A

1.12. Bà Tranh Thanh N
Địa chỉ: 965/12 BĐ, Phường 10, Quận H, TPHCM

1.13. Ông Phan Tuấn A
Địa chỉ: 285/12C CMTT, Phường 12, Quận K, TPHCM

1.14. Ông Nguyễn Văn M
Địa chỉ: 49/493 TBT, Phường 1, Quận Đ, TPHCM

1.15. Bà Trần Thị Thúy P
Địa chỉ: 115/91/8 LVS, Phường 13, quận N, TPHCM

1.16. Ông Nguyễn Ngọc M
Địa chỉ: 457 ấp Tây Bình Trưng, quận F, TPHCM

1.17. Ông Huỳnh Kim Đ
Địa chỉ: 18F ấp IT, phường Long Trường, quận F.

1.18. Ông Lý S
Địa chỉ: 19 NNT, Phường 19, Quận H, TPHCM

1.19. Ông Phan Công H
Địa chỉ: 3153 PTH, Phường 17, Quận H, TPHCM

1.20. Ông Buta
Địa chỉ: 28A/96 DBT, Phường 2, Quận H, TPHCM

1.21. Ông Nguyễn Hòa A
Địa chỉ: 100/21A BT, Phường 14, Quận L, TPHCM

1.22. Ông Lê Thanh H
Địa chỉ: 168/1 CMTT, Phường 13, quận S

1.23. Bà Lại Thị D
Địa chỉ: 10/30 CMTT, Phường 14, quận S

1.24. Bà Vũ Thị Ngọc H
Địa chỉ: 344/557 CMTT, Phường 5, quận S

1.25. Bà Phạm Thị D
Địa chỉ: 29/17 CMTT, Phường 16, quận S

1.26. Ông Nguyễn Văn Đ
Địa chỉ: 304/4M CMTT, Phường 13, quận S

1.27. Bà Nguyễn Ngọc Thanh H
Địa chỉ: 13/21 CMTT, Phường 17, quận S

1.28. Ông Tạ Đức T
Địa chỉ: 359/17 PVH, Phường 3, quận S

1.29. Bà Vũ Thị Kim A
Địa chỉ: 165/104 PVH, Phường 5, quận S

1.30. Ông Võ Văn C
Địa chỉ: 275/F9 LTK, Phường 15, quận S

1.31. Ông Nguyễn Văn R
Địa chỉ: 148/2 HL14, Phường 17, quận S

1.32. Ông Võ Ngọc K
Địa chỉ: 10A/41 TKTQ, Phường 14, quận S

1.33. Ông Nguyễn Hoàng Ngọc B
Địa chỉ: 14/7 TKTQ, tổ 15, Phường 16, quận S

1.34. Ông Võ Văn T
Địa chỉ: 40/3 tổ 41, HL13, Phường 15, quận S

1.35. Ông Nguyễn Văn B
Địa chỉ: 44/7 HL13, Phường 15, quận S

1.36. Bà Huỳnh Thị Hoàng Y
Địa chỉ: 18/2 ấp C, xã Tân Chánh Hiệp, huyện P

1.37. Bà Trần Thị Thu H
Địa chỉ: B17 PVT, Phường 10, quận X, TPHCM

1.38. Bà Đặng Thị H
Địa chỉ: 36/29/1 khu phố 4, xã An Lạc, huyện R

1.39. Ông Huỳnh Tấn T
Địa chỉ: 41 PVT, Phường 10, quận X, TPHCM

1.40. Ông Lương Văn N
Địa chỉ: B22 Cư xá TS, quận S, TPHCM

1.41. Heng V
Địa chỉ: 72 TQP, Phường 10, Quận Đ, TPHCM

1.42. Ông Nguyễn Tấn T
Địa chỉ: 59/25 TP, Phường 9, Quận Đ, TPHCM

1.43. Bà Mã Ánh T
Địa chỉ: 177 BT, Phường 1, Quận L, TPHCM

1.44. Ông Tô Tấn T
Địa chỉ: 103/22 QS, Phường 11, Quận L, TPHCM

1.45. Ông Lưu Tiếp C
Địa chỉ: 71/46 QS, Phường 9, Quận L, TPHCM

1.46. Bà Phạm Thị Lệ T
Địa chỉ: 30/105A TT, Phường 13, Quận L, TPHCM

1.47. Ông Dương Kiến T
Địa chỉ: 312 Lô H LTK, Phường 7, Quận L, TPHCM

1.48. Bà Võ Thị H
Địa chỉ: 43K1/12 BBĐ, Phường 14, Quận H, TPHCM

1.49. Ông Nguyễn Văn N
Địa chỉ: 3153/2 PTH, Phường 6, Quận H, TPHCM

1.50. Bà Trần Thị Kim H
Địa chỉ: 1911 PTH, Phường 6, Quận H, TPHCM

1.51. Bà Nguyễn Thị Bích T
Địa chỉ: 16/3 HL14, Phường 20, quận S, TPHCM

1.52. Ông Nguyễn Văn S
Địa chỉ: 102 NTT, Phường 17, quận S, TPHCM

1.53. Ông Nguyễn Hữu T
Địa chỉ: 4/3 tổ 2 ấp 9, phường Linh X, quận F, TPHCM

1.54. Ông Trịnh Anh T
Địa chỉ: 177/9 BMT, Phường 5, Quận 8, TP. HCM

1.55. Bà Nguyễn Thị L
Địa chỉ: 231/23B BT, Phường 8, Quận E, TP. HCM

1.56. Bà Võ Thị A
Địa chỉ: 409/4 ND, Phường 10, Quận H, TP. HCM

1.57. Ông Phạm Đức H
Địa chỉ: I 4 THT, Phường 14, Quận K, TP. HCM

1.58. Bà Nguyễn Kim K
Địa chỉ: 45/27 THL, Phường 12, quận N, TP. HCM

1.59. Bà Nguyễn Thị Minh T
Địa chỉ: 433/29 NVL, Phường 12, Quận E, TP. HCM

1.60. Ông Lâm P
Địa chỉ: 792/851A BBĐ, Phường 10, Quận H, TPHCM

1.61. Bà Hồ Thị Xuân D
Địa chỉ: 256 TTV, Phường 11, Quận H, TPHCM

1.62. Bà Trần Ngọc Hải H
Địa chỉ: 651A Bến ND, Phường 12, Quận H, TPHCM

1.63. Ông Phan Ngọc Đ
Địa chỉ: 3153/5 PTH, Phường 9, Quận H, TPHCM

1.64. Bà Phan Thị Y
Địa chỉ: 3153/6 PTH, Phường 9, Quận H, TPHCM

1.65. Bà Phan Thị H
Địa chỉ: 3153/7 PTH, Phường 9, Quận H, TPHCM

1.66. Bà Lương Thị Đ
Địa chỉ: 3153/5 PTH, Phường 9, Quận H, TPHCM

1.67. Ông Nguyễn Chí D
Địa chỉ: 96/6 Ấp 3, phường LC, quận F, TPHCM

1.68. Bà Vũ Kim T
Địa chỉ: 2186/8 PTH, Phường 6, Quận H, TPHCM

1.69. Ông Nguyễn Đức T
Địa chỉ: 2504F LLQ, Phường 11, quận S, TPHCM

1.70. Ông Lâm Văn S
Địa chỉ: 41 HL14, Phường 20, quận S, TPHCM

1.71. Ông Nguyễn Văn M
Địa chỉ: 24 Hẻm A1 CH, Phường 13, quận S, TPHCM

1.72. Ông Nguyễn Minh M
Địa chỉ: 113/25 Đường số 4, Phường 18, quận S, TPHCM

1.73. Ông Nguyễn Tiến D
Địa chỉ: 7C BC, Phường 7, quận S, TPHCM

1.74. Bà Lý Văn S
Địa chỉ: 746/77A ND, Phường 12, Quận H, TPHCM

1.75. Bà Nguyễn Thị Ngọc L
Địa chỉ: 318 Lô A Chung cư VL, Phường 18, quận S

1.76. Bà Nguyễn Thị H
Địa chỉ: Nhà không số, tổ 41, ấp 5, xã PVC, huyện V

1.77. Bà Tạ Thị Hoàng H
Địa chỉ: 104B PVK, Phường 2, Quận E, TPHCM

1.78. Bà Mai Thị Kim N
Địa chỉ: 1819 PTH, Phường 6, Quận H, TPHCM

1.79. Bà Trần Ngọc H
Địa chỉ: số 1 PĐH, Phường 2, Quận E, TPHCM

1.80. Bà Cao Thị H
Địa chỉ: 372/12 HVH, Phường 9, quận N, TPHCM

1.81. Bà Nguyễn Ngọc H
Địa chỉ: 2186/8 PTH, Phường 7, Quận H, TPHCM

1.82. Ông Nguyễn Văn Đ
Địa chỉ: 2683/3 PTH, Phường 7, Quận H, TPHCM

1.83. Bà Phạm Thị Kiều L
Địa chỉ: 2683/3 PTH, Phường 7, Quận H, TPHCM

1.84. Ông Phan Xuân N
Địa chỉ: 690/17X4 ND, Phường 12, Quận H

1.85. Ông Dương Văn M
Địa chỉ: 191 HL14, Phường 20, quận S

1.86. Ông Trịnh Văn C
Địa chỉ: 127/44F MXT, Phường 4, Quận E, TPHCM

1.87. Bà Trần Thị O
Địa chỉ: 52/2 LQS, Phường 2, Quận E, TPHCM

1.88. Bà Nguyễn Thị U
Địa chỉ: 28 Lô G Khu dân cư BT, Phường 4, Quận E, TPHCM

1.89. Ông Nguyễn Hoàng V
Địa chỉ: 320/170 ND, Phường 9, Quận H, TPHCM

1.90. Bà Trương Thị Ánh T
Địa chỉ: 128/35A NCT, Phường 3, Quận K, TPHCM

1.91. Ông Quách Hữu T
Địa chỉ: 15/65 NT, Phường 2, Quận Đ, TPHCM

1.92. Bà M
Địa chỉ: 383 Bis BCD, phường Cầu Kho, Quận A

1.93. Bà Nguyễn Ngọc H
Địa chỉ: 485/14 LVS, Phường 2, quận S, TPHCM

1.94. Bà Trần Thị T
Địa chỉ: 224/6 PVC, Phường 4, Quận E, TPHCM

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

a) Ngân hàng Ngân hàng TMCP BV được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP GĐ đã nộp tại Phòng Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- 2.369.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 003624 ngày 03/5/1999;

- 1.753.000 đồng; 1.589.000 đồng; 1.439.000 đồng; 1.257.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 003696, 003713, 003708, 003714 cùng ngày 21/5/1999*;*

- 2.064.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 004074 ngày 14/7/1999;

- 1.267.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 004249 ngày 04/8/1999;

- 2.473.000 đồng; 2.447.000 đồng; 1.490.000 đồng; 2.172.000 đồng; 2.581.000 đồng; 2.228.000 đồng; 2.497.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 004792, 004793, 004791, 004790, 004795, 004788, 004789 cùng ngày 25/10/1999;

b) Ngân hàng TMCP BV được quyền khởi kiện lại khi có đủ điều kiện khởi kiện.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;.
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Phú